

QUAN HỆ GIỮA TRÒ DIỄN VỚI LỄ HỘI TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG VÙNG CHÂU THỔ BẮC BỘ

ĐẶNG HOÀI THU

Tóm tắt

Một trong những dấu ấn tạo nên sự độc đáo và đặc sắc của vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ là lễ hội dân gian – môi trường diễn xướng, bảo lưu và phát triển nhiều yếu tố văn hóa truyền thống trong đó có trò diễn. Trong lễ hội, trò diễn gắn liền với các nhân vật được phụng thờ, tạo nên đặc sắc riêng, làm cho lễ hội làng này được phân biệt với lễ hội làng khác. Trò diễn tạo cho con người một sự “bứt phá” ra khỏi những ràng buộc thường ngày để cảm nhận một niềm hân hoan, phóng túng. Vì vậy, trò diễn đóng vai trò cực kì quan trọng trong lễ hội. Bài viết đi sâu phân tích mối quan hệ của trò diễn với lễ hội vừa như một thành tố của lễ hội lại vừa như độc lập với lễ hội.

Một trong những dấu ấn tạo nên sự độc đáo và đặc sắc của vùng văn hóa châu thổ Bắc bộ là lễ hội dân gian - môi trường diễn xướng, bảo lưu và phát triển nhiều yếu tố văn hóa truyền thống. Trong quá trình hình thành và phát triển, lễ hội dân gian nơi đây đã chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi những điều kiện tự nhiên, xã hội và lịch sử của mảnh đất này.

Lễ hội dân gian của người Việt ở châu thổ Bắc bộ chủ yếu là hội làng. Bởi, nói đến sản xuất nông nghiệp ở châu thổ Bắc bộ là nói đến nông dân và làng xóm, một tổ chức hoàn thiện và phổ biến nhất trong mô hình sản xuất nông nghiệp ở nước ta từ trước đến nay. Có thể thấy, điều kiện tự nhiên như nhiệt độ, độ ẩm, gió mùa, cùng nền văn minh trồng lúa nước là những yếu tố ảnh hưởng khá sâu đậm đến đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của người Việt vùng châu thổ Bắc bộ.

Làng xã cổ truyền của người Việt ở châu thổ Bắc bộ tồn tại như một chỉnh thể kinh tế, xã hội, văn hóa cấp cơ sở của nước. Nói cách khác, làng là một kết cấu xã hội có tính cộng đồng cao về lãnh thổ, kinh tế và văn hóa. Làng phần lớn được cố kết từ dòng họ, tạo ra quan hệ nhiều chiều, nhiều tầng, nội tại, để thắt chặt con người cá thể cũng như từng nhóm xã hội với cả làng. Rõ ràng, làng có vai trò rất lớn đối với sản xuất nông nghiệp, đảm bảo sự công bằng và bền vững của xã hội nông thôn. Sau lũy tre làng, những người nông dân cùng sinh sống yên ổn trong nền kinh tế tự cung tự cấp. Làng có hương ước, có thành hoàng, có nghi thức thờ cúng, có hệ thống đình, chùa, miếu để dân làng tổ chức lễ hội.

Làng ta mở hội tung bưng
Chiêng khua, trống gióng vang lừng bốn bên

Sản xuất nông nghiệp lâu đời đã chi phối nhiều mặt cuộc sống của người nông dân, từ cách làm, cách nghĩ, từ sinh hoạt đến lý tưởng thẩm mỹ, v.v... Người Việt trong sinh hoạt lao động sản xuất phụ thuộc vào tự nhiên, nương nhờ tự nhiên hơn là chiếm lĩnh, làm chủ tự nhiên. Do đó trong tâm thức người Việt, thể hiện thành sự tôn trọng, sùng bái tự nhiên; trong hành động, cư dân nơi đây ưa sự lựa chọn có tính chất thích nghi với tự nhiên, tận dụng tự nhiên hơn là chinh phục tự nhiên, dùng sức người thay thế tự nhiên; trong sinh hoạt thể hiện thành lối sống hòa hợp, hòa mình với tự nhiên, gắn bó với môi trường tự nhiên. Người Việt thường hay gắn các loại nghi lễ chuyển tiếp trong đời sống của mình với các nghi lễ liên quan đến sự chuyển tiếp của vũ trụ: từ tháng này sang tháng khác (lễ rằm), từ mùa này sang mùa khác (các ngày chí, ngày phân), từ năm này sang năm khác (ngày tết). Nghề nông trồng lúa cũng có nhịp điệu mùa, nương theo nhịp điệu của tự nhiên, việc trồng lúa buộc người nông dân phải nắm được sự chuyển vận của thời tiết, khí hậu vốn có của tự nhiên để biến chúng thành thời vụ tương ứng với một giai đoạn nào đó trong quá trình sinh trưởng của cây lúa. Chắc chắn với người dân Việt cổ, đã có một nghề nông phát triển hàng ngàn năm trước Công nguyên thì cũng có một vũ trụ quan, dù thô sơ, quan niệm về thời gian gắn chặt với chu kỳ nông lịch. Đến lịch nông, lại gắn với những hội mùa và nghi lễ. Do vậy, thiên nhiên đã được phân chia theo "hàm nghĩa văn hóa"(1, tr. 44 - 48). Thời gian trôi đi, lễ hội diễn ra hết lần này đến lần khác, ghi dấu các chu trình của mặt trăng (trong những nền văn hóa mà ở đó âm lịch đã và vẫn đang được dùng tới), cùng với sự lặp lại hàng năm của mùa trồng cấy và thu hoạch. Lễ hội diễn ra theo lịch, hoặc là vào một ngày nhất định mỗi tháng, hoặc vào một ngày, một thời điểm mỗi năm. Chu kỳ thời gian là cơ sở cho lễ hội, không phụ thuộc vào tác nhân con người. Lễ hội ràng buộc một nhóm xã hội vào tác động có tính chu kỳ đó, thiết lập mối tiếp xúc với vũ trụ và các quá trình vĩnh cửu theo thời gian(2, tr. 149).

Văn hóa lúa nước có nhịp điệu mùa, tương ứng với công việc làm ăn là những ngày xuống đồng khẩn trương, những ngày mùa rộ rã hay các tháng "nông nhàn" rồi việc, khá thảnh thơi. Ba tháng đầu năm, xưa vẫn được coi là những tháng nông nhàn, mùa nhàn rồi, mùa hội hè, là những tháng chờ mưa để cày cấy. Do vậy, người Việt có câu:

Tháng giêng ăn Tết ở nhà

Tháng hai đình đám, tháng ba hội hè.

Cho đến tháng tư, những trận mưa rào mùa hạ đã đến, người dân phải "cày vỡ ruộng ra" và tháng năm "ngả mạ" thì "mưa sa đầy đồng". Tháng bảy, tháng tám là thời điểm làm cỏ, bỏ phân, chăm sóc ruộng đồng, nhịp điệu lao động thư giãn hơn, để chờ cho đến tháng Mười.

	<i>Bao</i>	<i>giờ</i>	<i>cho</i>	<i>đến</i>	<i>tháng</i>	<i>mười</i>
<i>Ta</i>	<i>đem</i>	<i>liềm</i>	<i>hái</i>	<i>ra</i>	<i>ngoài</i>	<i>ruộng</i>
					<i>ta</i>	

*Gặt hái ta đem về nhà
Phơi khô quạt sạch ắt là xong công!*

Chấm dứt vụ mùa là Tết Cơm mới và cũng bắt đầu mùa khô của thiên nhiên. Hẳn những người dân cày cấy ruộng lạc đã nắm được cách tính chu kỳ, quy luật tuần hoàn của vũ trụ, bốn mùa.

Trong tự nhiên, xuân – thu chỉ là hai mùa chuyển tiếp tương đối ngắn ngủi giữa đông và hạ, giữa hai thời của chu kỳ khí hậu nóng – lạnh, thì “*xuân thu nhị kỳ*” trong nông lịch cổ truyền, cũng là thời buổi nông nhàn ngắn ngủi của những người nông dân quanh năm “*bán mặt cho đất, bán lưng cho trời*”. Vốn là những người làm nông nghiệp truyền đời, nên từ lâu nông dân ở châu thổ Bắc Bộ đã quan niệm thời gian theo chu kỳ khép kín của nông lịch. Trong chu kỳ ấy, mốc đánh dấu các thời đoạn sản xuất là những lễ thức, nghi lễ, những hoạt động tâm linh của con người gắn với các hoạt động trong chu trình canh tác nông nghiệp. Tổ chức lễ hội là một cách sử dụng thời gian nông nhàn theo mùa, theo vụ của người dân châu thổ Bắc bộ.

Tâm thức người Việt cổ - chủ nhân văn hóa Đông Sơn - là tâm thức của một cư dân nông nghiệp, cư dân trồng lúa nước. Nông nghiệp là nguồn sống chính của cộng đồng, vì thế, mọi hoạt động của con người trên mảnh đất này đều bị nghề nông chi phối sâu sắc. Tín ngưỡng, tôn giáo chính của họ phải là những lễ thức nông nghiệp và hình thái sinh hoạt văn hóa cộng đồng cơ bản của họ phải là những hội mùa.

Tuy lễ hội liên quan mật thiết với canh tác nông nghiệp, nhưng đến nay thật khó tìm một lễ hội nông nghiệp thuần túy, bởi các lễ hội này đã được đan xen, hòa trộn với loại hình lễ hội khác, mà có lẽ sâu đậm hơn cả là lễ hội phản ánh lịch sử. Điều kiện tự nhiên ảnh hưởng rất lớn đến văn hóa, nhưng điều kiện xã hội và lịch sử cũng là những yếu tố quyết định, chi phối không nhỏ đến các đặc điểm tâm lý và tính cách của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ.

Châu thổ Bắc Bộ là cái nôi hình thành dân tộc Việt. Công cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước dường như chưa bao giờ lắng xuống ở mảnh đất này. Thực tế ấy đã để lại dấu ấn đậm nét trong văn hóa nói chung và đời sống tâm lý nói riêng của người Việt. Do vậy, người Việt tổ chức lễ hội vốn để phản ánh hiện thực cuộc sống, phản ánh những ước mơ và quan điểm của mình, nên sự đan xen, hòa quyện những yếu tố lịch sử vào lễ hội nông nghiệp là tất yếu. Có thể kể tới những lễ hội như: hội Đền Hùng, hội Hoa Lư, hội Gióng, v.v...mà nhân dân cả nước biết đến, đều gắn với những nhân vật lịch sử, với thần tích, truyền thuyết, lai lịch, công trạng của các anh hùng.

Lễ hội dân gian được diễn ra hàng năm trong hầu hết các làng xã và có những lễ hội lớn không chỉ thu hút người dân trong làng, mà là dân trong vùng, liên vùng, cả nước. Như vậy, lễ hội dân gian của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ cũng như nhiều vùng miền khác trong cả nước, có sự vận động trong không gian và thời gian khác nhau, nên có nhiều lớp văn hóa lắng đọng và được biểu hiện trong từng thành tố của lễ hội.

Nếu tiếp cận lễ hội dân gian như “một hiện tượng văn hóa dân gian tổng thể”, ta có thể thấy yếu tố cơ bản để hình thành nên lễ hội thường là một nghi lễ hay tín ngưỡng nào đó (tôn thờ một hay nhiều vị nhân thần, nhiên thần...) và từ đó nảy sinh, tích hợp nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian phái sinh(3, tr. 336), trong đó, trò diễn được xem là một thành tố phái sinh, có mối quan hệ hữu cơ với các thành tố khác như: đối tượng thờ cúng, vật phẩm dâng cúng. Đồng thời, lễ hội dân gian là môi trường diễn xướng của trò diễn.

Trò diễn gắn kết rất mật thiết với nhân vật được phụng thờ. Những sự tích, những chiến công, phẩm chất anh hùng, cao quý, hay nói cách khác là cuộc đời của nhân vật phụng thờ được “trình diễn” bằng những động tác, nghi thức, v.v... để biểu lộ lòng thành kính, biết ơn của người dân. Có thể đó là trò Đánh trận trong lễ hội làng Phù Đổng (huyện Gia Lâm, Hà Nội), trò Cướp cầu ở hội Yên Mẫn (Bắc Ninh), trò Nghiêm quân trong lễ hội làng Giá (huyện Hoài Đức, Hà Nội). Các địa điểm diễn ra trò diễn, cũng thường được người dân giải thích là nơi diễn ra trận đánh, nơi vui chơi, hay nơi hóa, v.v... của thần thánh.

Sự độc đáo của mỗi trò diễn còn được tạo dựng bởi các vật phẩm dâng cúng. Đó có thể là những vật phẩm mang tính nghi lễ, gắn kết với nhân vật phụng thờ (món ăn quen thuộc, vật dụng thường dùng... của nhân vật được phụng thờ) hay những vật phẩm được “tạo ra từ một ý niệm, từ cõi vô thức trao truyền tới thế hệ hôm nay”(4, tr. 458). Món bánh dày là một vật phẩm dâng cúng như vậy, nó xuất hiện ở nhiều trò thi tài đua khéo trong lễ hội dân gian vùng châu thổ Bắc bộ, như ở thị trấn Hưng Hòa (huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ), làng Đồng Kỵ (huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh)... Bánh giầy vừa là vật dâng cúng các thánh thần, vừa chứa đựng ý tưởng và truyền tải nội dung tín ngưỡng của người xưa(4, tr. 459).

Có thể nói, trong lễ hội của mỗi làng quê ở vùng châu thổ Bắc Bộ, dù có nhân vật phụng thờ khác nhau hay giống nhau, người dân luôn biết lựa chọn và phát triển các trò diễn độc đáo để tạo ra nét riêng cho lễ hội quê mình. Trò diễn luôn có mối quan hệ gắn kết với các thành tố khác trong lễ hội dân gian ở vùng châu thổ Bắc bộ để một mặt thể hiện tính nguyên hợp của lễ hội dân gian, mặt khác làm nên một bức tranh tổng thể về đời sống văn hóa tinh thần và vật chất, ước mơ muôn thuở về những vụ mùa tốt tươi, người yên vật thịnh, v.v... Mặc dù trò diễn không thể tồn tại tách rời khỏi môi trường lễ hội, nhưng do vị trí đặc biệt trong lễ hội, đến lượt nó, trò diễn cũng lại thể hiện tính nguyên hợp với sự tổng hòa nhuần nhuyễn các yếu tố nghi lễ, âm nhạc, vũ đạo, lời ca, trang phục, đội hình,... Vì vậy không ít trò diễn trong lễ hội được nhắc đến với tính độc lập tương đối của nó, trong một số lễ hội, trò diễn là thành phần chủ đạo và nổi bật, khi nhắc đến lễ hội đó, dân gian thường

nhắc ngay đến trò diễn (ví dụ như trò Trám trong hội Trám ở Lâm Thao, Phú Thọ).

Có nhiều ý kiến cho rằng, trong các làng xã vùng châu thổ Bắc bộ ngôi chùa, ngôi đền, mái đình (cùng với nó là lễ hội theo “xuân thu nhị kỳ”) là cái nôi nảy sinh, đồng thời cũng là nơi bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc. Nhưng cũng cần nói thêm rằng, một trong những điểm nhấn quan trọng tạo nên linh hồn, bản sắc của cái nôi văn hóa đó chính là trò diễn. Trò diễn vừa tái tạo lại sự tích, lịch sử của làng, vừa gắn với các tục hèm liên quan đến thần thánh. Chính những đặc điểm này của trò diễn đã tạo nên tính đặc thù trong lễ hội của mỗi làng, kích thích sự hiếu kỳ của người tham dự.

Mặt khác, tham dự vào trò diễn, mọi người được cuồng hoan nhảy múa, ca hát, đánh trống đánh chiêng âm ỹ tung bừng, được bút phá công khai khỏi những cái thường ngày bị cấm kỵ kiêng hèm... Và, tất cả những cái đó tạo nên sự thích thú, khoái trá của con người khi tham gia lễ hội. Theo GS.TS. Kiều Thu Hoạch thì: “Tính cuồng hoan, khoái cảm bao giờ cũng là lực lượng/năng lượng để duy trì lễ hội”(5, tr. 23 - 30). Như vậy, trò diễn đã giúp con người giải thoát khỏi những ức chế ràng buộc của xã hội (sự phân biệt của thân phận, lứa tuổi, sự ngăn cách của các quy ước, những điều cấm kỵ ngày thường). Trò diễn đã phá vỡ những nghi thức thông thường, đảo ngược nhiều điều cấm đoán, tạo nên sự hỗn loạn cần thiết để phá bỏ mọi hàng rào ngăn cách, tạo nên sự hòa hợp tinh thần, sự đồng cảm của cộng đồng. Có thể nói trò diễn là một trong những hạt nhân cơ bản, là linh hồn để tạo dựng nên lễ hội, chính nó đã tạo nên tính đa dạng, hấp dẫn cho lễ hội. Nếu như đánh mất trò diễn, có lẽ lễ hội sẽ trở nên nhạt nhẽo bởi sự giống nhau đồng loạt.

Đ.H.T

Tài liệu tham khảo

1. Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, tái bản, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
2. Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan đồng chủ biên, *Folklore một số thuật ngữ đương đại*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005.
3. Ngô Đức Thịnh, *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, Viện Văn hóa, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2007.
4. Nguyễn Chí Bền, *Góp phần nghiên cứu văn hóa dân gian Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.
5. Kiều Thu Hoạch, *Lễ hội nhìn từ triết thuyết folklore Đông Á*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Số 6, 2005